| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **25**/2018/QĐST- HNGĐ | *Tuyên Quang, ngày 25 tháng 01 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 04/2018/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn N**, sinh năm 1988

Đăng ký HKTT: Thôn 8, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Tổ 05, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn N2**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2018

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa** chị Nguyễn N và anh Nguyễn N2.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Nguyễn B, sinh ngày 23/11/2010 và Nguyễn C, sinh ngày 26/8/2014 cho anh Nguyễn N2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, chị Nguyễn N không phải cấp dưỡng nuôi con do hiện tại anh N2 không yêu cầu.

Chị Nguyễn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai đ- ợc cản trở

- *Về tài sản chung và vay nợ chung:* Chị Nguyễn N và anh Nguyễn N2 không có tài sản chung, không vay nợ chung nên Toà án không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn N tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N°0005033 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Nguyễn N số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn N2 không phải chịu án phí của vụ án.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"/*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã A (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị H□ơng Giang**